TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H** ******* Bản án số: 95/2019/HS-ST Ngày: 23/10/2019	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ H

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bồ Xuân Ngọc

Ông Lê Văn Xuân

- Thư ký phiên tòa:

Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Dương Tiến Mạnh - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2019/TLST-HS, ngày 30 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Trần Văn D, sinh năm 1997, tại H; Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh H; Nghề nghiệp: sinh viên; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị S; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

Chị Phạm Thị Thùy L, sinh năm 1997 (Đã chết)

Trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh H

- *Đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại*:

Anh Phạm Xuân T, sinh năm 1972 (Có mặt)

Trú tại: P, xã T, huyện T, tỉnh H

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ P (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Km 17, QL6, phường Đ, quận H, TP. H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng L – Đội phó Đội vận tải số 1 (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/3/2019);

Chị Bùi Thị M, sinh năm 1972 (Có mặt)

Trú tại: Thôn Q, xã Q, huyện T, TP. H

Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1984 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Bản S, xã C, huyện Y, tỉnh S

- Người làm chứng:

Chị Lê Thị L, sinh năm 1997 (Có mặt)

Trú tại: Thôn D, xã M, huyện M, tỉnh N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 23/02/2019, Trần Văn D có giấy phép lái xe, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 90B2-602.22 chở bạn gái là chị Phạm Thị Thùy L đi trên đường Quốc lộ 1A, hướng H – H. Khi đi đến Km 193+27 Quốc lộ 1A, thuộc địa phận Thị trấn T, huyện T, TP. H, D điều khiển xe đi song song với xe ô tô biển kiểm soát 29C-458.73 do anh Hoàng Văn M điều khiển đi hướng cùng chiều. Do thấy phần đường bên phải xe ô tô còn rộng nên D điều khiển xe tăng tốc để vượt bên phải. Tuy nhiên, khi đang tăng tốc xe, D nhìn thấy phía trước có xe mô tô biển kiểm soát 29L1-080.87 của chị Lê Thị L đang lùi trên vỉa hè xuống đỗ ở mép đường bên phải theo chiều đi của D nhưng nghĩ việc chị L lùi xe không cản trở nên D tiếp tục điều khiển xe mô tô vượt lên. Tuy nhiên, khi chị L ngồi phía sau kêu lên và thấy bà Bùi Thị M đang đi vòng ra phía sau xe của chị L để lên xe thì D đã bị giật mình, không làm chủ được tay lái, không kịp xử lý nên xe của D bị loạng choạng rồi đổ rê về phía trước đâm vào phần đuôi xe mô tô của chị L làm D ngã tại chỗ, chị L ngã về phía bên trái đường văng vào gầm bên phải xe ô tô do anh M đang điều khiển và bị hàng bánh sau bên phải xe ô tô chèn qua người.

Hậu quả: Chị Phạm Thị Thùy L bị thương nặng, được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện T nhưng đã tử vong. Trần Văn D bị thương ở bả vai trái, cẳng tay và bàn tay trái.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 xe ô tô BKS 29C-458.73 cùng 01 đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định và bảo hiểm tự nguyện của xe ô tô trên; 01 Giấy phép lái xe hạng C, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy tập huấn nghiệp vụ, 01 giấy chứng nhận tập huấn phòng cháy, chữa cháy mang tên Hoàng Văn M; 01 xe mô tô BKS 29L1-08087 của chị Bùi Thị M cùng

01 đăng ký xe, 01 bảo hiểm tự nguyện của xe; 01 xe mô tô BKS 90B2-602.22 cùng 01 đăng ký xe, 01 bảo hiểm hiểm dân sự bắt buộc; 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn D.

Ngày 23/02/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tử thi đối với chị Phạm Thị Thùy L nhưng gia đình chị L đã từ chối giám định pháp y.

Tại Bản khám nghiệm tử thi số 15/19/GĐPY ngày 28/02/2019 của Bệnh viện hữu nghị V xác định các dấu vết bên ngoài tử thi của chị Phạm Thị Thùy L như sau:

- Có chảy dịch máu ở lỗ tai hai bên....

- Sây xát vùng ngực….ấn lồng ngực thấy biến dạng vùng xương sườn và xương ức, chọc hút kim ở hố phổi trái có dịch máu…

- Sây xát da mặt trước ngoài, mặt trong đùi cẳng chân bên trái, trên đó có nhiều vết sây xát da và bầm tím dạng vân hoa lốp ô tô, vết rách da vùng nếp lằn bẹn bên trái, qua vết rách da thấy xương chậu vỡ, tổ chức cơ dập nát, chảy máu, kiểm tra thấy lộ quai ruột….

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Trần Văn D đã bồi thường cho gia đình chị Phạm Thị Thùy L 50.000.000 đồng. Anh Hoàng Văn M và Công ty cổ phần P đã hỗ trợ gia đình chị Phạm Thị Thùy L 70.000.000 đồng. Đại diện theo ủy quyền của gia đình chị Phạm Thị Thùy L không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường thêm khoản nào khác và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn D.

Tại bản cáo trạng số 97/CT-VKSTT ngày 27 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trần Văn D về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm a Khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*"

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 260; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt Trần Văn D từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Trần Văn D 01 giấy phép lái xe.

- Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị M đã nhận lại 01 xe mô tô BKS 29L1-08087 cùng 01 đăng ký xe, 01 bảo hiểm tự nguyện của xe và không thắc mắc, đề nghị gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra – Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2]. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn D khai nhận: Khoảng 10 giờ 20 phút, ngày 23/02/2019, Trần Văn D có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 điều khiển xe mô tô BKS 90B2-602.22 chở bạn gái là chị Phạm Thị Thùy L lưu thông trên đường Quốc lộ 1A hướng H – H. Khi đi đến địa phận phố V, Thị trấn T, huyện T, H, D điều khiển xe đi song song với xe ô tô biển kiểm soát 29C-458.73 do anh Hoàng Văn M điều khiển hướng cùng chiều. Do thấy phần đường bên phải xe ô tô còn rộng nên D tăng tốc xe để vượt bên phải. Tuy nhiên, khi đang tăng tốc xe để vượt thì thấy chị Lê Thị L đang lùi xe mô tô từ vỉa hè xuống đường, đồng thời chị L ngồi sau hô lên làm D loạng choạng tay lái, D phanh xe làm xe của D bị đổ rê về phía trước đâm vào đuôi xe của chị L, D ngã tại chỗ, chị L ngã về phía bên trái đường văng vào gầm xe ô tô BKS 29C-458.73 và bị bánh xe sau bên phải xe ô tô chèn qua người làm chị Phạm Thị Thùy L bị tử vong, D bị thương nhẹ.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm xe cùng tang vật của vụ án và các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được xét hỏi tại phiên tòa nên có đủ cơ sở để kết

luận: Khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông, Trần Văn D đã điều khiển xe mô tô vượt bên phải xe ô tô đi phía trước cùng chiều trái quy định, vi phạm Khoản 4 Điều 14 Luật Giao thông đường bộ dẫn đến việc xe của D bị đổ, chị L ngã vào gầm xe ô tô đi bên phải gây hậu quả nghiêm trọng làm chị Phạm Thị Thùy L chết. Do vậy, hành vi của bị cáo Trần Văn D đã phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác, gây tổn thất lớn về tinh thần cho gia đình người bị hại. Nguyên nhân xảy ra tai nạn là do lỗi của bị cáo nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

3] Về tình tiết tăng năng trách nhệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo cùng gia đình đã bồi thường cho gia đình người bị hại. Đại diện của gia đình người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo và người bị hại có mối quan hệ tình cảm thân thiết, tại phiên tòa đại diện gia đình người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo tiếp tục theo học đại học nên căn cứ vào điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đánh giá tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của bị cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng nên căn cứ vào Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xét không cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục là thỏa đáng.

5]. Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự nên Tòa án không xem xét.

6]. Đối với 01 xe ô tô BKS 29C-458.73 cùng 01 đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định và bảo hiểm tự nguyện của xe ô tô trên; 01 Giấy phép lái xe hạng C, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy tập huấn nghiệp vụ, 01 giấy chứng nhận tập huấn phòng cháy, chữa cháy mang tên Hoàng Văn Minh; 01 xe mô tô BKS 29L1-08087 của chị Bùi Thị M cùng 01 đăng ký

xe, 01 bảo hiểm tự nguyện của xe; 01 xe mô tô BKS 90B2-602.22 cùng 01 đăng ký xe, 01 bảo hiểm hiểm dân sự bắt buộc mang tên Trần Văn D.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại các tài sản và giấy tờ trên cho Công ty cổ phần P, anh Hoàng Văn M, chị Bùi Thị M và bị cáo Trần Văn D nên Tòa không xét.

Trả lại bị cáo 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn D.

7]. Đối với anh Hoàng Văn M điều khiển xe mô tô BKS 29C-458.73 đi đúng phần đường, có giấy phép lái xe, tai nạn xảy ra bất ngờ phía sau nên anh M không có lỗi. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự là có căn cứ.

8]. Đối với chị Lê Thị L lùi xe từ vỉa hè xuống ở khu vực đường rộng nhưng vẫn chiếm một phần đường xe chạy, sau khi xảy ra tai nạn đã điều khiển xe đi khỏi hiện trường nên đã vi phạm điểm b Khoản 3 Điều 18, điểm b Khoản 1 Điều 38 Luật giao thông đường bộ. Tuy nhiên, hành vi của chị L không phải là nguyên nhân trực tiếp gây ra vụ tai nạn giao thông nên Cơ quan điều ra đã quyết định xử phạt vi hành chính đối với chị Lê Thị L là có căn cứ.

9]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

10]. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 260; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt: Trần Văn D 12 (*Mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Văn D cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp cùng với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc

người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

3. Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại Trần Văn D 01 giấy phép lái xe số 010188013590 do Sở Giao thông vận tải Thành phố H cấp ngày 31/01/2018.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số: 326/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Trần Văn D phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Trung Hòa

Nơi nhận:
- *TAND TP. H;*
- *VKSND huyện;*
- *Công an huyện T;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *Thông báo cho UBND xã nơi bị cáo cư trú.*
- *Bị cáo, đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*